

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +848.39.435.447

Fax: +848.39.435.446

haiminhgroup@vnn.vn

www.haiminh.com.vn



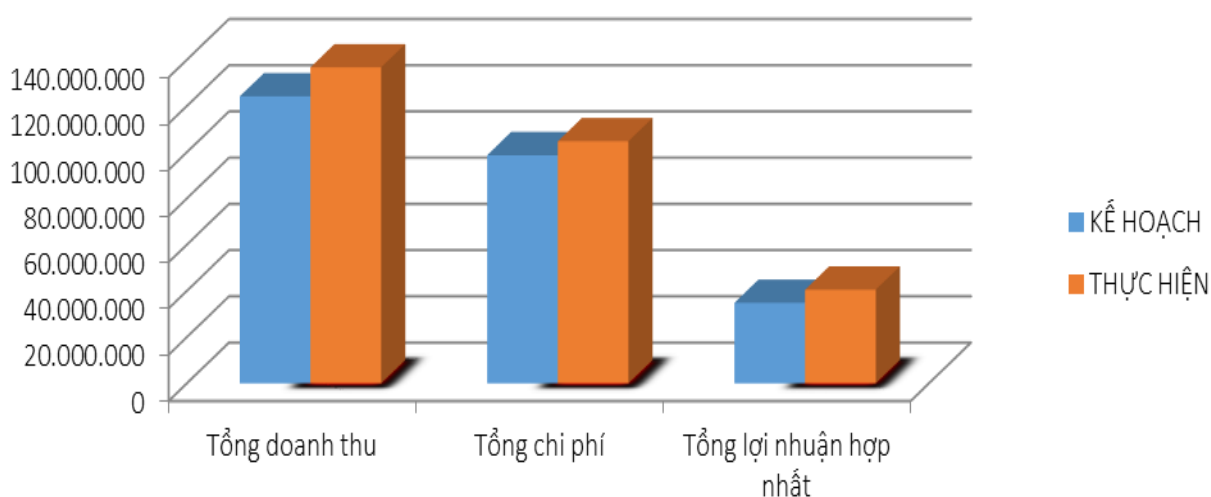
HAI MINH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2014

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014



TP. HỒ CHÍ MINH
04 - 2014

MỤC LỤC

1	Tổng quan về Công ty cổ phần Hải Minh	3
2	Tình hình hoạt động kinh doanh trong năm	9
3	Báo cáo của Ban giám đốc	14
4	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty	20
5	Quản trị công ty	23
6	Báo cáo tài chính hợp nhất 2013 (đã kiểm toán)	28

Phần I

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

1. THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tên tiếng anh: HAIMINH CORPORATION

Tên giao dịch viết tắt: HAMI CORP

Địa chỉ: 01 ĐINH LỄ, PHƯỜNG 12, QUẬN 4, TP HCM

Điện thoại: 08 3943 5447 Fax: 08 3943 5446

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 100.100.000.000 đồng

Website: www.haiminh.com.vn

Niêm yết cổ phiếu tại: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên cổ phiếu: Công ty cổ phần Hải Minh

Mệnh giá: 10.000 đ /cổ phần

Mã chứng khoán: HMMH

Số lượng cổ phiếu niêm yết: 10.000.000 CP

2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Ngày 24/01/2002 Công ty Cổ phần Hải Minh thành lập theo Giấy CNĐKKD số 4103000801 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ ban đầu là 1,5 tỷ đồng với mười một cổ đông sáng lập, thay đổi Giấy CN ĐKKD lần cuối cùng (lần thứ 11) ngày 17 tháng 01 năm 2012.

Qua một chặng đường phát triển, một số cột mốc đáng chú ý như sau:

- ❖ 01/2002 : Thành lập Công ty cổ phần Hải Minh
- ❖ 06/2005 : Thành lập Công ty thành viên đầu tiên – Công ty Hải Thanh Thanh
- ❖ 08/2005 : Thành lập liên doanh đầu tiên – Hoàng Nam Logistics
- ❖ 10/2006 : Thành lập Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam) là Công ty liên doanh giữa Công ty Cổ phần Hải Minh và hãng tàu “K” Line Nhật Bản.
- ❖ 03/2007 : Nâng vốn điều lệ lên 29,2 tỷ đồng
- ❖ 04/2007 : Mở tuyến vận tải container bằng đường thủy Hồ Chí Minh – Campuchia
- ❖ 10/2007 : Nâng vốn điều lệ lên 49,3 tỷ đồng
- ❖ 06/2008 : Nâng vốn điều lệ lên 56,16 tỷ đồng
- ❖ 06/2010 : Được chính thức chỉ định là đại lý cho Samudera Shipping Line (Singapore) tại Việt Nam
- ❖ 07/2010 : Niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- ❖ 08/2010 : Thành lập Công ty liên doanh với tập đoàn DongBu Hàn Quốc (Cty TNHH Tiếp Vận DongBu - Hải Minh)
- ❖ 10/2011 : Niêm yết bổ xung 1.741.116 cổ phiếu, tương ứng giá trị chứng khoán đăng ký 17.411.160.000 đ .Nâng vốn điều lệ lên 73,57 tỷ đồng
- ❖ 10/2011 tiến hành đàm phán với PISD thành lập Công ty TNHH tiếp vận Hải Minh – Tỷ lệ vốn góp ban đầu là 13%. Công ty đã được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh và hoạt động từ tháng 03/2012, đến tháng 11/2012 Hải Minh đã nhận chuyển nhượng lại toàn bộ phần vốn góp của PISD.
- ❖ 12/2012: Đăng ký lưu ký bổ xung 2.642.504 cổ phiếu, tương ứng giá trị chứng khoán đăng ký 26.425.040.000 đ .Nâng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng (theo đúng vốn đăng ký trên giấy phép ĐKKD) và số cổ phiếu này đã được UBCK chấp thuận niêm yết tại sàn HNX vào tháng 01/2013.
- ❖ 09/2013: Sáp nhập Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng vào Công ty TNHH tiếp vận Hải Minh.

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH CHÍNH

Công ty đăng ký hoạt động kinh doanh chính tại 02 thành phố là Tp. HCM và Hải Phòng với các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu như sau:

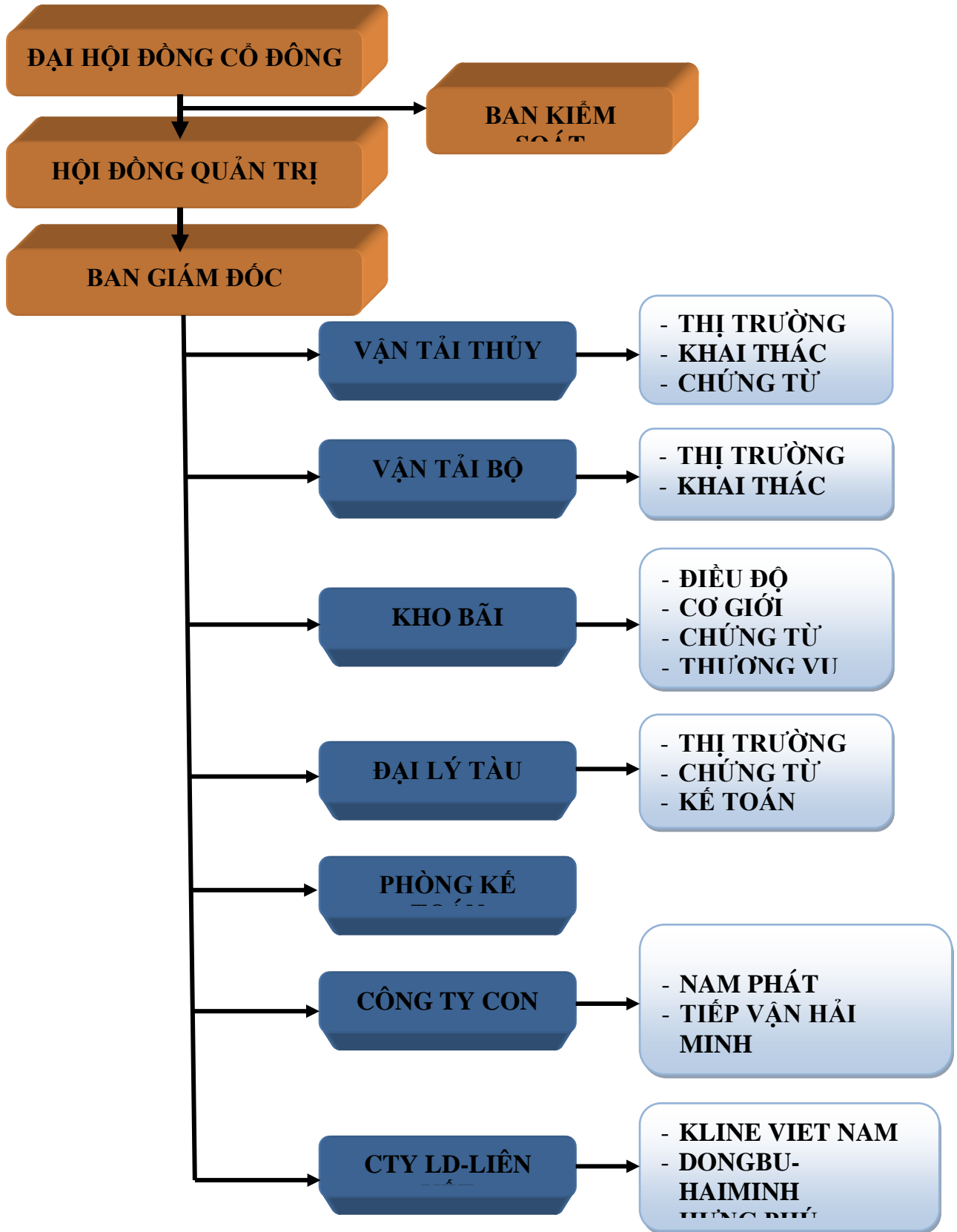
- ✓ Vận tải nội địa và quốc tế; Kho vận và phân phối;
- ✓ Khai thác cảng, cho thuê kho bãi, dịch vụ đại lý hàng hải;
- ✓ Sửa chữa và kinh doanh các thiết bị chuyên dụng, container;
- ✓ Đại lý tàu biển; cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển.
- ✓ Sản xuất, mua bán máy móc thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp;
- ✓ Mua bán xe chuyên dùng...

4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

4.1 Mô hình quản trị bao gồm:

- ✓ Đại hội đồng cổ đông
- ✓ Hội đồng quản trị
- ✓ Ban kiểm soát
- ✓ Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và kế toán trưởng
- ✓ Tổng giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của các đơn vị thành viên, thông qua người phụ trách cao nhất tại các đơn vị là Giám đốc các đơn vị thành viên và các trưởng phó phòng.

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý – sơ đồ tổ chức :



www.haiminh.com.v

4.3 Các công ty con, công ty liên kết:**4.3.1 Các công ty con:**

- ✓ Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát hoạt động theo giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202006749 ngày 25/06/2008 do sở kế hoạch đầu tư Tp Hải Phòng cấp
Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh (HaiMinh –Tower), Km 105 đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Tp Hải Phòng
Vốn điều lệ: 21.484.000.000đ
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 96,08%
- ✓ Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh Hải phòng hoạt động theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0201242464 ngày 20/02/2012 do sở kế hoạch đầu tư Tp.Hải Phòng cấp.
Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh (HaiMinh –Tower), Km 105 đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Tp Hải Phòng
Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đ
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 99,86%

4.3.2. Các công ty liên kết

- ✓ Công ty TNHH “k” Line Việt Nam hoạt động theo giấy phép đầu tư số 011021000027 ngày 24/10/2006 do bộ Kế hoạch đầu tư cấp.
Trụ sở chính: Tầng 6, tòa nhà Sun Red River, 23 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Vốn điều lệ: 500.000 USD
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 49%
- ✓ Công ty Tiếp vận DongBu Hải Minh hoạt động theo giấy phép đầu tư số 411022000536 ngày 31/08/2010 do UBND Tp.HCM cấp
Trụ sở chính: 01 Đinh Lễ, P12, Q5, HCM
Vốn điều lệ: 605.000USD
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 49%
- ✓ Công ty Cổ Phần Hàng Hải Hưng Phú hoạt động theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0311190956 ngày 09/09/2011 do UBND Tp.HCM cấp
Trụ sở chính: 21/4 Đường liên phường, Phường Phú Hữu, Q9, TpHCM
Vốn điều lệ : 2.000.000.000 đ
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 40%

5. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHUNG VÀ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN

Luôn tuân chỉ và bám sát phương châm:

“Phát triển bền vững, bảo toàn vốn, đẩy mạnh hợp tác liên doanh - liên kết, đảm bảo lợi ích nhà đầu tư & người lao động”.

- ✓ Hiệu quả cao trong tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty;
- ✓ Mở rộng quy mô hoạt động, đa dạng hóa lĩnh vực hoạt động, đầu tư thêm cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh;
- ✓ Tìm kiếm mở rộng phạm vi hợp tác với các đối tác nhằm phát huy nội lực của công ty kết hợp với thế mạnh của các đối tác;
- ✓ Đảm bảo an toàn và phát triển đồng vốn chủ sở hữu;
- ✓ Nâng cao đời sống cho cán bộ CNV Công ty.

Phần II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1.1 Kết quả hoạt động SXKD trong năm:

- Hoạt động kinh doanh năm 2014 của công ty không tránh khỏi những khó khăn chung của nền kinh tế nhưng nhìn chung Công ty vẫn duy trì ổn định đà tăng trưởng. Cụ thể kết quả kinh doanh năm 2014 của công ty đạt được như sau:
- Tổng doanh thu từ hoạt động SXKD đạt 136,75 tỷ đồng vượt 10,1% so kế hoạch và tăng 22,8% so với năm 2013.. Tổng chi phí đạt 104.77 tỷ đồng tăng 6,12% so với kế hoạch tăng 17% so với năm 201. Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 40.57 tỷ đồng tăng 16,34% và tăng 3,29% so với năm 2013. Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) đạt 4.142 đồng /cổ phần.

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	T.H 2013	KH 2014	T.H 2014	TH/KH (%)	14/13 (%)
Tổng doanh thu	111.364	124.200	136.754	110,11	122,80
+ Hoạt động SXKD	107.489	109.565	111.683	101,93	103,90
+ DT tài chính	2.310	1.800	3.680	204,44	159,31
+ DT Khác	1.565	12.835	21.391	166,65	1366,83
Tổng chi phí	88.848	98.729	104.775	106,12	117,93
+ CP giá vốn	77.819	80.275	85.435	106,43	109,79
+ Tài chính	103	470	201	42,77	195,15
+ CP quản lý doanh nghiệp	10.314	8.880	9.947	112,02	96,44
+ CP Khác	612	9.104	9.192	100,96	1501,96
Lợi nhuận sau thuế	16.817	19.867	24.760	124,69	147,23
Lợi nhuận từ hoạt động LD/LK	22.456	15.000	15.805	105,37	70,38
Tổng lợi nhuận hợp nhất	39.274	34.867	40.565	116,34	103,29

2. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

2.1 Danh sách ban điều hành

a. Ông Nguyễn Quốc Hùng – Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị / Tổng giám đốc

- Họ và tên : **NGUYỄN QUỐC HÙNG**
- Giới tính : Nam Ngày tháng năm sinh: 30/08/1954
- Nơi sinh : Tp.HCM Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh Quê quán: Tp.HCM
- Số CMND : 020137716 Cấp ngày tại CA TpHCM
- Địa chỉ thường trú: 82 Đường số 2, KP3, Thảo Điền, quận 2, Tp.HCM
- Trình độ văn hóa : Tiến sỹ
- Trình độ chuyên môn : Tiến sỹ cơ khí – khai thác hàng hải
- Chức vụ công tác hiện nay : Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: TV HĐQT công ty TNHH K'Line Việt Nam
- Số lượng cổ phần nắm giữ (31/12/2014): 331.038 cổ phần (3.31% Vốn điều lệ).

b. Ông Nguyễn Thế Hưng – Giám đốc tài chính/kế toán trưởng

- Họ và tên : **NGUYỄN THẾ HƯNG**
- Giới tính : Nam Ngày tháng năm sinh : 16/10/1973
- Nơi sinh : Hải Phòng Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh Quê quán : Hải Phòng
- Số CMND : 024897269 Cấp ngày 10/12/2008 tại CA TpHCM
- Địa chỉ thường trú: 92/12 Lâm Văn Bền, P.Tân Thuận Tây , Quận 7, TP HCM
- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay : Giám đốc tài chính/kế toán trưởng
- Số lượng cổ phần nắm giữ (31/12/2014): 123.409 cổ phần (1,23 % Vốn điều lệ)

c . Ông Trần Đoàn Viện – Giám đốc phụ trách phía Bắc

- Họ và tên : **TRẦN ĐOÀN VIỆN**
- Giới tính : Nam Ngày tháng năm sinh: 28/08/1970
- Số CMND : 030955726 Cấp ngày 31/12/2008 tại CA Tp Hải Phòng
- Nơi sinh : Hưng Yên Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh Quê quán : Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: 8/59 Hoàng Quý, Quận Lê Chân, Hải Phòng
- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế VT Biển
- Chức vụ công tác hiện nay : GD C.ty TNHH Tiếp Vận Nam Phát
- Số lượng cổ phần nắm giữ (31/12/2014): 32.946 cổ phần (0,33% Vốn điều lệ).

2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tính đến thời điểm 31/12/2014 Công ty có 166 CB CNV, trong đó trình độ trên đại học chiếm 2%, trình độ đại học và cao đẳng chiếm 57%, Trung cấp và có bằng nghề chuyên môn chiếm 41%. Trong năm qua tình hình kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Hội đồng quản trị và Ban giám đốc công ty luôn quan tâm, chăm lo tốt cho đời sống của CB CNV, giữ ổn định thu nhập bình quân người lao động đạt trên 10,5 triệu đồng /người/tháng, được tham gia đầy đủ các chính sách theo qui định của nhà nước như BHXH, BHYT, BHTN; chế độ thưởng vào các ngày lễ tết ... ngoài ra CB CNV còn được tổ chức khám bệnh định kỳ tại các cơ sở y tế có uy tín, được tổ chức đi nghỉ mát vào thời điểm thích hợp, được tạo điều kiện giao lưu, thân thiện giữa các đơn vị trong khối nhóm

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN

3.1 Tình hình đầu tư:

✓ **Mua sàn văn phòng tại H.Tp. Hồ Chí Minh:**

- Đã tiến hành mua 420 m² văn phòng làm việc tại TP HCM là 13.3 tỷ đồng.

✓ **Đầu tư bãi tại Hải Phòng**

- Đã tiến hành ký HĐ nhận nhượng lại 2,3 ha đất tại KCN Đình Vũ, đã đặt cọc và đang tiến hành san lấp mặt bãi

✓ **Đầu tư phương tiện vận tải và bốc xếp:**

- Tổng số tiền đầu tư là 11.15 tỷ đồng và đang đầu tư thêm 01 sà lan 54 TEUS chạy tuyến HCM – ĐBCL.

3.2 Tình hình hoạt động và tài chính của các công ty liên quan:

Các chỉ tiêu	TV NamPhat (96,08%)	TV Hải Minh (99, 86%)	C.ty TNHH Kline VN (25%)	TV Dongbu-HM (49%)
Tổng DT	39.029	35.711	111.235	127.628
Tổng CP	23.334	38.825	45.018	125.269
LN sau thuế	4.721	4.994	53.342	1.135

Ngoài ra còn một số đơn vị mà Công ty có tham gia đầu tư tài chính, nhằm tận dụng sức mạnh của đối tác và và khai thác triệt để khả năng của công ty như:

- + C.ty TNHH Vận Tải & Xếp dỡ Hải An

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 Tình hình tài chính:

Tình hình tài chính của Công ty trong năm ổn định, nguồn vốn dành cho hoạt động sản xuất kinh doanh được đảm bảo, thanh khoản tốt, đảm bảo chế độ tiền lương và chính sách với người lao động, thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước kịp thời đúng qui định. Công tác thu hồi công nợ thực hiện tốt, dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh dương, đủ đảm bảo cho dòng tiền cho hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính...

4.2 Các chỉ tiêu tài chính

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
sCơ cấu tài sản				
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	29,64	26,07	28,55
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	70,36	73,92	71,45
Cơ cấu nguồn vốn				
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	10,43	7,98	6,00
Vốn chủ sở hữu/ Nguồn vốn	%	89,57	91,55	93,50
Tỷ suất sinh lời				
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	36,78	40,86	42,79
Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu	%	32,98	35,76	36,32
Lợi nhuận trước thuế /Tổng tài sản	%	20,83	19,12	20,59
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	21,22	18,25	18,70
Lợi nhuận sau thuế/Vốn đầu tư CSH	%	39,70	39,46	40,57
Lãi cơ bản /cổ phiếu	vnd	5,021	4,033	4,142

Các chỉ tiêu tài chính 2014 cho thấy, tình hình tài chính của công ty rất lành mạnh, khả năng thanh toán tốt, tỷ suất sinh lợi ổn định, hệ số nợ giảm so cùng kỳ.

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 10.000.000 CP
- Loại cổ phiếu đang lưu hành: Cổ phiếu phổ thông
- Hình thức đăng ký: Ghi sổ
- Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 10.000.000 CP

5.2 Cơ cấu cổ đông:

- ✓ Tính đến 31/12/2014 cơ cấu cổ đông Công ty CP Hải Minh được thể hiện cụ thể như sau:

TT	THÀNH PHẦN	SỐ HỮU CP	TỶ LỆ (%)
1	Cổ đông lớn	0	0
2	Cổ đông nhỏ	10.000.000	100
3	Cổ đông tổ chức	1.248.075	12,48
4	Cổ đông cá nhân	8.720.209	87,20
5	Cổ đông trong nước	8.491.055	84,91
6	Cổ đông nước ngoài	1.477.229	14,77
7	Cổ đông nhà nước	0	0

www.haiminh.com.v

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm vốn đầu tư của chủ sở hữu không đổi.

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Từ ngày 01/12/2014 đến ngày 31/12/2014 thực hiện giao dịch bán cổ phiếu quỹ. Số lượng cổ phiếu quỹ đã bán là 183.500 cổ phiếu. Tổng số cổ phiếu quỹ tới thời điểm 31/12/2014 công ty hiện nắm giữ là 31.716 CP.

5.5 Các loại chứng khoán khác: Không có.

Phần III**BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC****VỀ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH VÀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2014**

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông ngày 29/04/2014. Ban Giám đốc Công ty cổ phần Hải Minh xin báo cáo tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và báo cáo tài chính năm 2014 như sau:

Phần thứ nhất**NHẬN ĐỊNH CHUNG****VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2014.**

Nhìn chung tình hình thị trường năm 2014 cũng còn khá nhiều bất cập bởi ảnh hưởng từ việc căng thẳng biên mậu giữa Việt Nam – Trung Quốc kéo dài suốt từ nửa đầu quý 2 đến gần hết quý 3, đến nay tình hình căng thẳng đã tạm lắng dịu, song cũng chưa có dấu hiệu khôi phục rõ nét. Thị trường nội địa có vẻ tích cực hơn khi được hỗ trợ bởi những chính sách kịp thời từ các cơ quan nhà nước như: hạ thấp thuế xuất thuế TNDN (22%) từ 01/01/2014, giữ ổn định thị trường tài chính, ổn định tỷ giá, hạ lãi xuất, tạo điều kiện để doanh nghiệp dễ tiếp cận với nguồn vốn,... Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới khá cao nhưng cũng có rất nhiều doanh nghiệp đăng ký ngừng hoạt động hoặc giải thể.

Tuy nhiên hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm qua vẫn giữ được sự ổn định, các hoạt động dịch vụ chính không có nhiều biến động lớn mặc dù có sụt giảm sản lượng, cụ thể là

1. Dịch vụ Vận tải đường bộ:

Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn trong giai đoạn ngắn từ việc thực hiện việc hạn chế tải trọng và giảm tải trọng thiết bị (nhất là tại khu vực phía Bắc), tuy nhiên nhìn theo hướng tích cực thì đây cũng là nguyên nhân chính làm tăng sản lượng hàng vận chuyển. Để đáp ứng kịp thời và đảm bảo dịch vụ, trong năm các đơn vị đã thực hiện đầu tư mới thêm phương tiện (08 đầu kéo + 08 Rơ moóc) sửa hoán cải một số Remooc cũ - nâng tổng số lượng xe đầu kéo của cả Cty 58/58, luôn đáp ứng và khẳng định vị thế

trên thị trường...., nhờ vậy doanh thu vận tải bộ vẫn đảm bảo tăng so với doanh thu kế hoạch đã duyệt, kết hợp việc giá nhiên liệu (dầu DO) giảm mạnh vào thời điểm cuối năm, nên hiệu quả hoạt động của VTB tăng rõ rệt.

2. Dịch vụ Vận tải đường sông:

Tại khu vực phía Nam sau khi thanh lý 02 xà lan cũ, Công ty đã tiến hành đóng mới 02 xà lan loại nhỏ (36/54 Teu) phù hợp trên tuyến vận chuyển hàng hóa khu vực Miền Tây Nam Bộ, từ cuối quý 3/2014 công ty đã đưa xà lan đầu tiên vào khai thác lượng hàng hóa khá ổn định, luôn đạt trên 85% hệ số trọng tải và có lãi, dự kiến chiếc thứ 2 sẽ đưa vào khai thác trong quý 1/2015. Tại khu vực phía Bắc hàng hóa cho xà lan tuy không nhiều, nhưng cũng tạm ổn và cũng đảm bảo hoạt động có lãi. BGD nhận định rằng dịch vụ vận chuyển đường sông sẽ có nhiều triển vọng trong thời gian tới do việc cấm tải hàng hóa đường bộ...Do vậy BGD cũng mạnh dạn trình bày và xin chủ trương v/v được đóng thêm xà lan mới khi việc khai thác diễn tiến theo hướng thuận lợi và thực sự có hiệu quả.

3. Dịch vụ vận chuyển hàng (Door to Door) nội địa

Đây là mảng dịch vụ chúng ta mới triển khai từ quý 4/2014, sản lượng hàng khá ổn định > 200 Teu / tháng, góp phần ổn định sản lượng vận chuyển cho vận tải bộ ở cả 2 đầu Nam Bắc, tuy vậy hiện chúng ta mới chỉ triển khai dịch vụ hàng một chiều HCM ra là chủ yếu, hàng từ phía bắc vào hiện rất thấp mặc dù chúng ta có rất nhiều lợi thế để có thể triển khai... bước đầu việc khai thác dịch vụ này cho thấy khá hiệu quả, chúng tôi đặt mục tiêu đẩy mạnh mảng dịch vụ này trong thời gian tới.

Bên cạnh đó công ty cũng đã triển khai dịch vụ khai thuê thủ tục hải quan....., thực tế đây không phải là dịch vụ mới với Cty, song việc nhận làm khai thuê thủ tục Hải Quan cho khách hàng ngoài các khách hàng truyền thống như: K'Line VN, Vinabridge...Đây là dịch vụ hoàn toàn phù hợp chức năng của Cty tại GP KDVT đa phương thức quốc tế số 14-07/GP-BGTVT cấp ngày 17/04/2014. Đây cũng là mảng dịch vụ thể hiện sự đa dạng, góp phần nâng cao hiệu quả và vị thế thương mại... và cũng được đặt là mục tiêu triển khai rộng trong năm mới.

4. Dịch vụ khai thác kho, bãi chứa container:

Tại khu vực phía Bắc: Trong năm vừa qua bị ảnh hưởng khá nhiều bởi các nguyên do khách quan nhưng lại tác động lớn như: Vấn đề căng thẳng biên giới biển đảo giữa Việt Nam – Trung Quốc, việc dịch chuyển các Cảng về phía cuối hạ lưu Sông Cẩm tại Hải Phòng, hạ tầng đường giao thông chưa hoàn thiện (hiện đã được cải tạo nhiều), vấn đề cạnh tranh gay gắt với các đơn vị cùng ngành... dẫn đến doanh thu khai thác bị giảm sút khá nhiều, thậm chí không đảm bảo kế hoạch doanh thu... mặc dù về cuối năm tình hình đã được cải thiện đáng kể.

Thực hiện nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thường niên 2014 thông qua v/v đầu tư bãi tại khu vực Hải Phòng, BGD đã tiến hành ký HĐ nhận nhượng lại 2,3 ha đất tại KCN Đình Vũ, đã tiến hành đặt cọc và mặt bãi đang tiến hành san lấp... dự kiến sẽ đưa vào khai thác trong quý 1/2016.

Tại khu vực phía Nam: Tính đến thời điểm 31/12/2014 dịch vụ Depot đã tạm ổn định và bắt đầu hoạt động có lãi (kể từ khi dịch chuyển). Hiện nay Depot đã tiếp nhận thêm vỏ cont của 3 lines mới ngoài loại vỏ của khách hàng truyền thống K'Line. Tuy nhiên phải thẳng thắn nhìn nhận rằng dịch vụ Depot tại khu vực TpHCM của chúng ta còn khá nhiều bất cập, dịch vụ hiện đang thực hiện khai thác trên diện tích đất thuê có thời hạn, do vậy thật khó để chúng ta có thể triển khai các chiến lược có tính chất dài hơi và bền vững. Quả thực việc tìm kiếm mặt bằng phù hợp để đầu tư Depot ổn định tại khu vực Tp. HCM là rất khó. Tuy nhiên chúng tôi vẫn luôn cố gắng để giữ ổn định dịch vụ, song song tiếp tục tìm kiếm và sẽ báo cáo ngay khi có vị trí phù hợp.

5. Dịch vụ giao nhận, đại lý container

Đây là mảng dịch vụ vẫn tiếp tục là dịch vụ then chốt mang lại lợi nhuận cao cho khu vực phía Nam. Việc các hãng tàu lớn bỏ tuyến bởi nhiều lý do khách quan khác nhau lại giúp cho sản lượng đại lý container của hãng tàu SSL tăng cao, sản lượng bình quân năm /mỗi chuyến tàu luôn đạt trên 110% kế hoạch khai thác, trong năm 2014 Hải Minh được ghi nhận là đơn vị đại lý khai thác hiệu quả nhất trong toàn hệ thống SSL.

Tuy nhiên trong thời gian tới chúng tôi nhận định rằng dịch vụ này có thể sẽ gặp nhiều khó khăn khi gần đây giá nhiên liệu (dầu DO) giảm sâu, một số lines có kế hoạch mở tuyến trở lại, thị trường chắc chắn bị chia sẻ, cộng với thời gian nghỉ 2 đợt lễ (30/04 và tết dương lịch) trong năm 2015 kéo dài chắc chắn sẽ có ảnh hưởng lớn đến sản lượng, doanh thu dịch vụ...

Công ty vẫn duy trì sự ổn định dịch vụ thu gom hàng lẻ cho các Forwarder (CRSA +Hokkai) và đạt hiệu quả khá tốt trong năm 2014.

6. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014

6.1 Doanh thu và lợi nhuận 2014.

+ Tổng doanh thu: 136,75 tỷ đồng vượt 10,1% so với kế hoạch và tăng 22,8% so với năm 2013. Trong đó:

- Doanh thu từ SXKD: 111,68 tỷ đồng vượt 1,93 % so với kế hoạch và tăng 3,9% so với năm 2013.
- Doanh thu từ hoạt động tài chính: 3,68 tỷ đồng vượt 104,4 % so kế hoạch và tăng 59,3% so với năm 2013.
- Doanh thu khác: 21,39 tỷ đồng vượt 66,5 % kế hoạch.

+ Tổng chi phí: 104,77 tỷ đồng tăng 6,2 % so với kế hoạch tăng 17% so với năm 2013. Trong đó:

- Giá vốn hàng hóa 85,27 tỷ đồng tăng 6,4 % so với kế hoạch và tăng 9,79% so với năm 2013.
- Chi phí tài chính 0,2 tỷ đồng bằng 42,77% so với kế hoạch năm 2014
- Chi phí quản lý 9,9 tỷ đồng tăng 12 % so với kế hoạch và giảm 3,6% so với thực hiện năm 2013.

+ Tổng lợi nhuận hợp nhất sau thuế: 40,57 tỷ đồng vượt 16,34% so với kế hoạch và tăng 3,29 % năm 2013. Trong đó:

- Lợi nhuận từ SXKD 24,76 tỷ đồng vượt 24,69 % kế hoạch và tăng 47,23% so với năm 2013.
- Lợi nhuận từ hoạt động LD LK: 15,8 tỷ đồng vượt 5,37% kế hoạch và giảm 29,7% so với năm 2013.

6.2 Một số chỉ tiêu tài chính khác:

+ Cơ cấu tài sản:

Báo cáo thường niên năm tài khóa 2014 Công ty cổ phần Hải Minh

- Tỷ lệ tài sản ngắn hạn / Tổng số tài sản: 28,55 % tăng 2,48 % so với năm 2013
 - Tỷ lệ tài sản dài hạn / Tổng số tài sản: 71,45% giảm 2,47% so với năm 2013
- + Cơ cấu nguồn vốn:
- Tỷ lệ nợ phải trả / Tổng nguồn vốn; 6 % giảm 1,98% so với năm 2013
 - Tỷ lệ vốn chủ sở hữu / Nguồn vốn: 93,5 % tăng 1,95% so với năm 2013.
- + Tỷ suất sinh lời;
- Lợi nhuận trước thuế / Doanh thu: 42,79% tăng 1,93% so với năm 2013
 - Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu: 36,32% tăng 0,56% so với năm 2013
 - Lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản: 20,59% tăng 1,78 % so với năm 2013
 - Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu: 18,70% tăng 0,45% so với năm 2013
 - Lợi nhuận sau thuế/ Vốn ĐT chủ sở hữu: 40,57% tăng 1,11% so với năm 2013
- Lãi cơ bản / Cổ phiếu: 4.141 đồng tăng 107 đồng/CP so với năm 2013.

6.3 Báo cáo tình hình sử dụng các quỹ doanh nghiệp đến 31/12/2014

+ Quỹ dự phòng tài chính: 6.614 triệu đồng.

+ Quỹ đầu tư phát triển sản xuất: 733 triệu đồng.

+ Quỹ phúc lợi:

- Tồn đầu kỳ: 754 triệu đồng
- Tăng trong kỳ: 1.951 triệu đồng
- Giảm trong kỳ: 1.834 triệu đồng
- Tồn cuối kỳ: 871 triệu đồng

+ Quỹ Ban điều hành:

- Tồn đầu kỳ: 535 triệu đồng
- Tăng trong kỳ: 1.951 triệu đồng
- Chi thù lao & các hoạt động của HĐQT: 2.012 triệu đồng
- Chi khen thưởng ban điều hành: 340 triệu đồng
- Tồn cuối kỳ: 134 triệu đồng

+ Quỹ trợ cấp thất nghiệp: 112 triệu đồng.

6.4 Nhân sự và Chính sách đối với người lao động.

Đã tiến hành điều chỉnh lương cơ bản cho toàn bộ CB CNV trong toàn Công ty theo nghị định 182 /NĐ-CP, thu nhập bình quân tháng của người lao động cũng được cải thiện hơn so cùng kỳ 2013 (TNBQ đạt trên 10,5 triệu đồng/tháng), đồng thời cũng vẫn đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách theo quy định của nhà nước hiện hành. Ngoài ra Công ty còn có các chính sách nhằm nâng cao nghiệp vụ cho các cán bộ chủ chốt bằng cách cử đi học các khóa học nâng cao nghiệp vụ khi có điều kiện thích hợp.

Trong năm vừa qua vào thời điểm cuối năm Công ty có sự thay đổi về vị trí của một số cán bộ cấp cao, cụ thể:

HĐQT đã nhất trí đề Ông Nguyễn Quốc Hùng từ nhiệm chức Tổng giám đốc vì lý do sức khỏe và bổ nhiệm Ông Nguyễn Thế Hưng – P.TGD phụ trách tài chính làm TGD kể từ ngày 01/01/2015. Bổ nhiệm Ông Đặng Ngọc Hùng – làm P.TGD phụ trách đối ngoại, bổ nhiệm Ông Nguyễn Thành Văn làm kế toán trưởng...ngoài ra không có sự biến động gì khác về đội ngũ nhân sự.

Phần IV**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Thuận lợi, khó khăn trong năm 2014.**

Bước vào thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2014 công ty cổ phần Hải Minh có những khó khăn – thuận lợi như sau :

a. Thuận lợi :

- Tình hình kinh tế nước ta tiếp tục tăng trưởng ổn định, GDP tăng 5,98% cao hơn mức 5,42% năm 2013. Tình hình xuất nhập khẩu cả nước tăng, trong đó: Xuất khẩu tăng 13,6%, nhập khẩu tăng 12,1% xuất siêu 2 tỷ USD so với năm 2013. Chỉ số tiêu dùng (CPI) tăng 4,09% là năm tăng thấp nhất trong nhiều năm qua.

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty vẫn duy trì nhịp độ tăng trưởng ổn định so với năm 2013 duy trì được khả năng sinh lời. Công ty vẫn giữ vững các dịch vụ truyền thống như: Đại lý giao nhận vận chuyển hàng hóa bằng đường biển, đường bộ và dịch vụ kho bãi container với chất lượng dịch vụ tốt có uy tín với khách hàng. Công ty đã hoạt động nhiều năm trên thị trường dịch vụ hàng hải, cán bộ công nhân viên có nhiều kinh nghiệm ứng phó với các diễn biến phức tạp của thị trường. Được sự tin tưởng và ủng hộ của các khách hàng truyền thống trong nhiều năm qua.

b. Khó khăn:

- Tình hình kinh tế đất nước còn gặp nhiều khó khăn, thách thức lớn chưa vượt qua ngay được. Là nền kinh tế có độ mở lớn song nước ta vẫn chưa thoát lệ thuộc vào thị trường Trung Quốc. Xuất khẩu chủ yếu xuất hàng thô, hàng mới qua sơ chế. Xuất khẩu tăng chủ yếu phụ thuộc vào các doanh nghiệp nước ngoài. Sự tăng trưởng của các doanh nghiệp (74.842 doanh nghiệp) không cao hơn nhiều so với số doanh nghiệp giải thể hoặc ngừng hoạt động (67.823 doanh nghiệp).

- Tình hình thị trường luôn trong tình trạng cạnh tranh gay gắt trên tất cả các dịch vụ hiện có của công ty. Nhất là mảng dịch vụ khai thác kho, bãi chứa container trong khi vị trí kho bãi của công ty nằm xa các cảng bất tiện cho các dịch vụ kết nối xuất nhập khẩu với các hãng tàu do hạ tầng giao thông kém thường xuyên ách tắc. Giá cả nguyên nhiên vật liệu, phụ tùng thay thế ...phụ thuộc vào thị trường thế giới trong tình trạng không ổn định.

2. Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014:

- + Tổng doanh thu: 136.75 tỷ đồng vượt 10.1 % kế hoạch năm 2014.
- + Tổng chi phí: 104,77 tỷ đồng tăng 6.12% so với kế hoạch năm.
- + Lợi nhuận hợp nhất: 40,57 tỷ đồng vượt 16,34% so với kế hoạch.

Hội đồng quản trị công ty đánh giá: Trong năm 2014 mặc dù gặp không ít các khó khăn song Ban giám đốc và toàn thể CBCNV trong công ty đã phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông giao cho. Công ty vẫn giữ được đà tăng trưởng, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận năm 2014. Song cũng phải nhìn nhận thực tế lợi nhuận năm 2014 vượt cao còn do các nguyên nhân khách quan như lợi nhuận bán lại phần vốn góp của công ty tại KLV, bán tài sản ...Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chưa đạt được mức tăng trưởng kỳ vọng mà nguyên nhân chính là do công ty còn hạn chế về cơ sở vật chất kỹ thuật, tâm lý người quản lý còn

chần chừ trong công tác định hướng công ty giữa phát triển hay duy trì sự ổn định dẫn đến chưa mạnh dạn trong đầu tư mở rộng quy mô sản xuất. Kế hoạch tiết kiệm chi phí chưa được thực hiện nghiêm túc dẫn đến hầu hết các chi phí tăng không đồng nhất với tỷ lệ tăng của doanh thu...

3. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư 2014:

HDQT công ty đã chỉ đạo Ban giám đốc thực hiện kế hoạch đầu tư đã được ĐHĐCĐ thông qua năm 2014 như sau: Tổng mức đầu tư trong năm 2014 là 24.45 tỷ đồng. Trong đó đầu tư mua 420 m² văn phòng làm việc tại TP HCM là 13.3 tỷ đồng, phương tiện vận tải, bốc xếp 11.15 tỷ đồng và đang đầu tư thêm 01 sà lan 54 TEUS chạy tuyến HCM – ĐBCL.

4. Thực hiện phương án phân phối lợi nhuận năm 2013:

Công ty đã tiến hành thực hiện phương án phân phối lợi nhuận tuân thủ đúng theo NQ Đại hội cổ đông duyệt trong năm 2014 cụ thể:

- + Trích quỹ dự phòng tài chính: 3% LN hợp nhất.
- + Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 5% LN hợp nhất là 1,95 tỷ đồng.
- + Trích quỹ hoạt động của HDQT: 5% LN hợp nhất là 1,95 tỷ đồng.
- + Thực hiện chi trả cổ tức năm 2014 cho các cổ đông tỷ lệ: 17% / cổ phần.

5. Thực hiện chi quỹ HDQT công ty như sau:

- Trả thù lao cho các thành viên HDQT & Ban kiểm soát công ty: 1,550 tỷ đồng.
 - Khen thưởng cho Ban điều hành công ty: 340 triệu đồng
- Chi các hoạt động của HDQT: 463 triệu đồng
- Tồn quỹ đến 31/12/2014: 134 triệu đồng,

6. Công tác quản trị nội bộ công ty.

Hội đồng quản trị đã từng bước thực hiện đổi mới công tác quản trị doanh nghiệp, thực hiện nghiêm chỉnh chức năng nhiệm vụ quản lý, giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể trong năm 2014 HDQT đã thực hiện

6.1. Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông tài khóa năm 2014 thông qua phương hướng nhiệm vụ năm 2014 của Công ty.

6.2. Hội đồng quản trị đã tiến hành họp định kỳ theo đúng kế hoạch nhằm kiện toàn bộ máy quản lý, kiểm điểm tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 6 tháng, 9 tháng, năm 2014 giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết và các chỉ tiêu kế hoạch năm của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông giao, ổn định tổ chức của Công ty, bổ nhiệm Ông Nguyễn Thế Hưng giữ chức vụ Tổng giám đốc thay Ông Nguyễn Quốc Hùng xin nghỉ do tình hình sức khỏe. Bổ nhiệm ông Nguyễn Thành Văn giữ chức vụ Kế toán trưởng công ty. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu tổ chức quản lý, đầu tư trong nội bộ công ty. Tập trung đầu tư vào các dịch vụ kinh doanh thế mạnh như: Vận chuyển container, khai thác depot, kho hàng CFS... không đầu tư dàn trải.

6.3. Chỉ đạo thực hiện tốt các quy chế quản lý của công ty như: Quy chế người đại diện phần vốn góp tại các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế nội bộ về quản trị công ty...

6.4. Các thành viên được Hội đồng quản trị cử tham gia HĐQT hoặc trực tiếp tham gia điều hành các công ty có vốn góp của công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao... Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 hầu hết các đơn vị có vốn góp của Công ty đều có lợi nhuận. Phối hợp cùng với hãng tàu K'Line và làm các thủ tục tăng vốn điều lệ của KLV lên 72 tỷ đồng và chuyển nhượng lại 24% vốn tại KLV vào ngày 1/4/2014 theo đúng thỏa thuận giữ hai bên.

6.5. Hội đồng quản trị đã có những biện pháp cụ thể để giữ bình ổn giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán như: Việc công bố các thông tin kịp thời, đầy đủ trên các phương tiện thông tin đại chúng, Ủy ban chứng khoán Nhà nước... Thực hiện tốt các quy định của Luật chứng khoán đối với công ty đã niêm yết trên thị trường.

Phần V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

I – Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Phùng Văn Quang	Chủ tịch	252.707 Cổ phiếu, chiếm 2.53%	
2	Nguyễn Quốc Hùng	P.Chủ tịch	331.038 Cổ phiếu, chiếm 3.31%	
3	Nguyễn Văn Hà	Thành viên	263.667 Cổ phiếu , chiếm 2.64%	Không điều hành
4	Nguyễn Mỹ Hải	Thành viên	249.848 Cổ phiếu , chiếm 2.5%	Không điều hành
5	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	225.718 Cổ phiếu , chiếm 2.25%	Không điều hành

www.haiminh.com.vn

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Ban kiểm soát nội bộ

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã từng bước thực hiện đổi mới công tác quản trị doanh nghiệp, thực hiện nghiêm chỉnh chức năng nhiệm vụ quản lý, giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể trong năm 2014 HĐQT đã thực hiện

4.1. Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông tài khóa năm 2014 thông qua phương hướng nhiệm vụ năm 2014 của Công ty.

4.2. Hội đồng quản trị đã tiến hành họp định kỳ theo đúng kế hoạch nhằm kiện toàn bộ máy quản lý, kiểm điểm tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 6 tháng, 9 tháng, năm 2014 giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết và các chỉ tiêu kế hoạch năm của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông giao, ổn định tổ chức của Công ty, bổ nhiệm Ông Nguyễn Thế Hưng giữ chức vụ Tổng giám đốc thay Ông Nguyễn Quốc Hùng xin nghỉ do tình hình sức khỏe. Bổ nhiệm ông Nguyễn Thành Văn giữ chức vụ Kế toán trưởng công ty. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu tổ chức quản lý, đầu tư trong nội bộ công ty. Tập trung đầu tư vào các dịch vụ kinh doanh thế mạnh như: Vận chuyển container, khai thác depot, kho hàng CFS... không đầu tư dàn trải.

4.3. Chỉ đạo thực hiện tốt các quy chế quản lý của công ty như: Quy chế người đại diện phần vốn góp tại các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế nội bộ về quản trị công ty...

4.4. Các thành viên được Hội đồng quản trị cử tham gia HĐQT hoặc trực tiếp tham gia điều hành các công ty có vốn góp của công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao... Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 hầu hết các đơn vị có vốn góp của Công ty đều có lợi nhuận. Phối hợp cùng với hãng tàu K'Line và làm các thủ tục tăng vốn điều lệ của KLV lên 72 tỷ đồng và chuyển nhượng lại 24% vốn tại KLV vào ngày 1/4/2014 theo đúng thỏa thuận giữ hai bên.

4.5. Hội đồng quản trị đã có những biện pháp cụ thể để giữ bình ổn giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán như: Việc công bố các thông tin kịp thời, đầy đủ trên các phương tiện thông tin đại chúng, Ủy ban chứng khoán Nhà nước... Thực hiện tốt các quy định của Luật chứng khoán đối với công ty đã niêm yết trên thị trường.

II – Ban kiểm soát

1 – Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

STT	Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Thế Quân	Trưởng ban	351.380 Cổ phiếu, chiếm 3.51%	
2	Triệu Đình Trung	Thành viên	98.035 Cổ phiếu, chiếm 0.98%	
3	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	189.424 Cổ phiếu, chiếm 1.89%	

2 – Hoạt động và đánh giá của Ban kiểm soát:

2.1. Hoạt động của Ban Kiểm soát.

- Kiểm tra thẩm định các báo cáo tài chính giữa niên độ báo cáo và cả năm 2014, xem xét tính hợp lý, minh bạch của các quy định và quy trình kế toán, các hợp đồng kinh tế đã ký kết và tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014.
- Giám sát việc chấp hành các nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật bao gồm: Quy định về thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các nghĩa vụ tài chính khác.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị công ty. Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho các cổ đông giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, công tác điều hành của Ban giám đốc phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty. Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 thông qua.
- Xem xét các báo cáo của đơn vị kiểm toán độc lập.
- Kiểm tra, giám sát các thủ tục, trình tự công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

2.2. Báo cáo kết quả giám sát

Sau khi nhận được các Báo cáo tài chính, Ban Kiểm soát đã triển khai xem xét kỹ các nội dung trong báo cáo, kiểm tra chứng từ thu chi theo nguyên tắc chọn mẫu, xem xét các hồ sơ tài sản, tiền vốn, công nợ phải thu phải trả, các hợp đồng kinh tế và các hồ sơ liên quan khác. Xem xét báo cáo kiểm toán do Công ty kiểm toán độc lập phát hành, kết hợp với kết quả kiểm tra, giám sát trong năm 2014, Ban Kiểm soát xin báo cáo quý vị cổ đông kết quả kiểm tra như sau:

2.2.1. Kết quả kinh doanh của Công ty năm 2014.

- Tổng Doanh thu: **136,75 tỷ Đồng** – vượt kế hoạch 10,1%
- Tổng chi phí: **104,77 tỷ Đồng** - tăng 6,12% kế hoạch.
- Lợi nhuận hợp nhất: **40,57 tỷ Đồng** – vượt kế hoạch 16,34%

Trong đó :

- Lợi nhuận từ SXKD sau thuế: **24,76 tỷ đồng vượt 24,69% kế hoạch**
- Lợi nhuận từ hoạt động LD-LK **15,80 tỷ đồng vượt 5,37% kế hoạch**

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2014 Ban kiểm soát nhận thấy trong năm qua tình hình kinh tế nước ta tương đối ổn định so với các năm trước đây, tuy nhiên vẫn còn nhiều những khó khăn và chưa có những dấu hiệu phục hồi rõ rệt, lạm phát, chỉ số tiêu dùng thấp nhưng sức cầu yếu. Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp vẫn trong tình trạng tăng trưởng thấp, số doanh nghiệp giải thể hoặc ngừng hoạt động vẫn còn cao. Thị trường dịch vụ hàng hải vẫn trong tình trạng cạnh tranh gay gắt, cơ sở vật chất kỹ thuật của công ty còn yếu và thiếu nên hạn chế nhiều đến sức cạnh tranh của công ty trên thị trường.

Tuy nhiên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc cùng toàn thể CBCNV trong công ty đã có nhiều cố gắng để triển khai và hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch về SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2014 giao cho nhất là chỉ tiêu lợi nhuận vượt 16,34% kế hoạch. Các chỉ tiêu về tài chính như tỷ suất lợi nhuận /vốn, doanh thu đều tăng so với năm 2013. Công ty đã quan tâm đến đời sống, quyền lợi chính đáng của người lao động và các cổ đông.

2.2.2. Kiểm tra báo cáo tài chính và hoạt động kế toán Công ty năm 2014.

- Ban kiểm soát đã kiểm tra các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty thành viên, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập và nhận thấy:

- + Các báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty cổ phần Hải Minh đã phản ánh trung thực các chỉ tiêu tài chính quan trọng của công ty tại thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2014 như: Bản cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ...

- + Công tác kế toán, lập chứng từ thu chi chính xác, rõ ràng và đầy đủ phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan. Tuy nhiên trong quá trình hạch toán vẫn còn tồn tại những thiếu sót như hạch toán không đúng các khoản mục của các dịch vụ, các khoản phải thu phải trả còn tồn đọng khá lớn nhất là các khoản phải thu từ khách hàng. Có những khách hàng thời gian nợ quá lâu đề nghị ban giám đốc sớm có biện pháp xử lý kịp thời.

2.2.3. Giám sát công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2014.

Qua quá trình giám sát kiểm tra công tác quản lý, điều hành của công ty, Ban kiểm soát có các nhận định sau:

- Các thành viên HĐQT, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng các quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông. Trong công tác điều hành đã chủ động, linh hoạt, kịp thời đề ra các biện pháp khắc phục những tồn tại yếu kém, bám sát tình hình diễn biến của thị trường, tìm thêm các dịch vụ mới hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra và đảm bảo lợi ích của công ty và các cổ đông.
- HĐQT và Ban giám đốc đã bám sát và triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, thực hiện kế hoạch đầu tư có hiệu quả.
- Đã làm tốt công tác thay đổi nhân sự cấp cáo và thực hiện đúng trình tự, quy định không gây ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của công ty và quyền lợi của các cổ đông trên thị trường chứng khoán.
- HĐQT công ty đã thực hiện đúng kế hoạch hoạt động đã đề ra, các cuộc họp được triệu tập và tổ chức đúng với các quy định của pháp luật. Kết thúc các cuộc họp HĐQT đã đề ra các nghị quyết hợp lệ và đúng thẩm quyền.

HĐQT và Ban giám đốc đã thực hiện nghiêm túc việc báo cáo và công bố thông tin một cách minh bạch trên thị trường chứng khoán và được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vinh danh là một trong 30 doanh nghiệp minh bạch nhất sàn chứng khoán Hà nội.

III . Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và BGD

3.1 Thù lao năm 2013 của HĐQT

STT	Thành viên	Chức danh	Thù lao đã nhận trong năm 2013 (vnd)	Ghi chú
1	Phùng Văn Quang	Chủ tịch	932.700.000	
2	Nguyễn Quốc Hùng	P.Chủ tịch	280.000.000	
3	Nguyễn Văn Hà	Thành viên	230.000.000	
4	Nguyễn Mỹ Hải	Thành viên	230.000.000	
5	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	230.000.000	

3.2 Thù lao Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức danh	Thù lao đã nhận trong năm 2012 (vnd)	Ghi chú
1	Nguyễn Thế Quân	Trưởng ban	170.000.000	
2	Triệu Đình Trung	Thành viên	65.000.000	
3	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	65.000.000	

3.3 Thu nhập Ban giám đốc

STT	Thành viên	Chức danh	Thu nhập đã nhận trong năm 2013 (vnd)	Ghi chú
1	Nguyễn Quốc Hùng	T.Giám đốc	652.700.000	
2	Nguyễn Thế Hưng	GĐTC	598.700.000	
3	Trần Đoàn Viện	GĐ phụ trách phía bắc	611.700.000	

www.haiminh.com.v

3.4 Thông tin giao dịch của HĐQT, BKS, cổ đông liên quan:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số lượng cổ phiếu đầu kỳ, tỷ lệ	Số lượng cổ phiếu cuối kỳ, tỷ lệ	Lý do tăng giảm (mua bán, chuyển nhượng, thưởng...)
1	Nguyễn Thị Thanh Thủy	TV. BKS	204.654 CP tỷ lệ 2,04%	172.054 CP tỷ lệ 1,72%	CT CK đặt lệnh bán nhằm

Phần VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN 2014

1 – Ý kiến của kiểm toán viên

Số: 0243/2015/BCTC-KTV

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hải Minh được lập ngày 25 tháng 3 năm 2015, từ trang 9 đến trang 37 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên.

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Hải Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Tp. Hồ Chí Minh Ngày 25 tháng 03 năm 2015

(Đã ký)

VĂN NAM HẢI – Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0832-2013-037-1

NGUYỄN THỊ THƠM - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2013-037-1

2 – Báo cáo tài chính**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		66.243.232.681	61.581.722.829
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	25.532.790.026	22.135.255.073
1. Tiền	111		10.532.790.026	6.135.255.073
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	16.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.550.000.000	800.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	4.550.000.000	800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.136.824.833	34.533.820.562
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	27.215.303.875	22.921.252.354
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	795.000.000	3.037.711.804
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	2.502.265.418	8.574.856.404
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(375.744.460)	
IV. Hàng tồn kho	140		1.137.388.059	399.996.127
Hàng tồn kho	141		1.137.388.059	399.996.127
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.886.229.763	3.712.651.067
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	1.314.325.224	2.384.452.050
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		40.491.356	522.168.451
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.963.549.643	344.190
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1.567.863.540	805.686.376
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		165.799.357.124	174.170.127.776
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		110.859.006.257	94.095.304.487
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	93.649.563.940	73.277.037.997
Nguyên giá	222		138.431.523.183	118.064.244.984
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.781.959.243)	(44.787.206.987)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.120.000.000	1.120.000.000
Nguyên giá	228		1.120.000.000	1.120.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		16.089.442.317	19.698.266.490
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		47.913.432.290	74.217.862.972
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.9	40.313.432.290	67.417.862.972
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	7.600.000.000	6.800.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.542.060.815	3.629.673.675
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	4.294.110.815	2.881.723.675
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.12	1.247.950.000	747.950.000
VI. Lợi thế thương mại	269		1.484.857.762	2.227.286.642
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		232.042.589.805	235.751.850.605

A - NỢ PHẢI TRẢ	300		13.929.824.187	18.856.473.012
I. Nợ ngắn hạn	310		13.787.955.134	18.343.303.959
1. Phải trả người bán	312	V.13	8.427.065.084	13.337.634.191
2. Người mua trả tiền trước	313		24.700.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	1.679.153.417	2.092.717.172
4. Phải trả người lao động	315		1.791.191.675	1.048.873.630
5. Chi phí phải trả	316		114.090.909	50.689.891
6. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	746.475.603	554.625.703
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.16	1.005.278.446	1.258.763.372
II. Nợ dài hạn	330		141.869.053,00	513.169.053,00
1. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	333		30.000.000	400.000.000
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		111.869.053	113.169.053
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		216.965.125.593	215.804.139.672
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	216.965.125.593	215.804.139.672
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	99.998.840.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.959.478.445	1.928.510.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(694.034.275)	(4.573.065.830)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		733.424.655	742.424.655
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.745.703.936	5.574.565.936
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		107.220.552.832	112.132.864.911
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439		1.147.640.025	1.091.237.921
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		232.042.589.805	235.751.850.605

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/09/2014	Số dư 01/01/2014
Ngoại tệ các loại:				
- Dollar Mỹ (USD)			79.918,61	11.012,79

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2015

NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

(Có so sánh với số liệu năm 2013)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	111.682.601.749	107.489.460.036
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		111.682.601.749	107.489.460.036
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	85.434.542.821	77.818.518.157
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.248.058.928	29.670.941.879
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.680.915.267	2.309.926.591
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	201.370.808	103.541.220
Trong đó: chi phí lãi vay	23		72.675.000	
8 Chi phí bán hàng	24			
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	9.946.586.900	10.313.810.695
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.781.016.487	21.563.516.555
11 Thu nhập khác	31	VI.6	21.390.673.413	1.564.553.244
12 Chi phí khác	32	VI.7	9.192.413.112	611.711.566
13 Lợi nhuận khác	40		12.198.260.301	952.841.678
14 Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		15.804.746.233	22.456.411.163
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47.784.023.021	44.972.769.396
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	VI.8	7.034.093.560	5.699.124.928
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		40.749.929.461	39.273.644.468
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		185.151.240	235.701.185
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		40.564.778.221	39.037.943.283
Trong đó				
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành			9.793.636	9.784.784
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	4.141,95	3.989,66

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2015

 NGUYỄN THẾ HUNG
 Tổng Giám đốc

 NGUYỄN THÀNH VĂN
 Kế toán trưởng

 NGUYỄN THÀNH VĂN
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		47.784.023.021	44.972.769.396
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		11.010.774.826	11.339.631.407
- Các khoản dự phòng	03		375.744.460	-
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1.627.047)	-
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(24.197.413.007)	(29.715.036.564)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		34.971.502.253	26.597.364.239
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09		7.149.916.896	(498.853.585)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		(737.391.932)	913.930.723
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(30.191.351.273)	(3.743.757.748)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12		(342.260.314)	(3.388.292.107)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(7.558.250.175)	(5.712.377.499)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.239.375.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4.816.278.926)	(3.174.503.237)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(284.738.471)	10.993.510.786
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(36.792.001.122)	(32.593.254.504)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		12.860.000.000	963.454.546
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(25.050.000.000)	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		21.300.000.000	-
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.829.000.000)	(6.030.950.216)
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		31.472.832.851	1.310.182.500
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23.227.731.448	22.732.918.968
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		25.189.563.177	(13.617.648.706)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		4.910.000.000	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	1.000.000.000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(1.000.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.418.916.800)	(5.707.134.875)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(21.508.916.800)	(5.707.134.875)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.395.907.906	(8.331.272.795)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		22.135.255.073	30.466.527.868
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.627.047	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	25.532.790.026	22.135.255.073

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2015

NGUYỄN THẾ HUNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

MẪU B 09-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại - Dịch vụ.
- Ngành, nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp

www.haiminh.com.v

Công ty con, công ty liên kết

<u>Stt</u>	<u>Tên Công ty</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>
<u>Công ty con</u>		
1	Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	96,08%
2	Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	99,92%
<u>Công ty liên kết</u>		
1	Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	25,00%
2	Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	49,00%
3	Công ty Cổ Phần Hàng Hải Hưng Phú	40,00%

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty Cổ phần Hải Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 51 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 59 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 thuộc năm tài chính thứ 13 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 200/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các Báo cáo tài chính của Công ty trong tương lai.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và Tại ngày giữa các Công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty liên kết hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền kiểm soát việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

4. Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào một Công ty mà phần góp vốn của Công ty chiếm dưới 20% vốn chủ sở hữu của Công ty đó.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con, Công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua Công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của Công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các Công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên Bảng cân đối kế toán.

Khi bán Công ty con, Công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán Công ty tương ứng.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, ký quỹ ngắn hạn và khoản đầu tư dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá một năm

10. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

11. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	6– 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí đầu tư đóng mới sản lan tự hành phục vụ cho mục đích kinh doanh chưa hoàn thành.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thi công mặt bằng và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá hai năm.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

15. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Công ty dùng để chi trợ cấp thôi việc, mất việc làm cho người lao động tại Công ty theo quy định hiện hành. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Công ty được trích từ lợi nhuận sau thuế theo Biên bản họp Đại hội cổ đông ngày 16 tháng 01 năm 2006. Do đó, năm 2012 Công ty không xử lý hoàn nhập theo hướng dẫn tại Thông tư số: 180/2012-TT – BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ tài chính.
- Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông hàng năm.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện xong và có xác nhận của khách hàng về dịch vụ đã thực hiện.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên Tại ngày các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

19. Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	621.027.910	1.049.926.467
Tiền gửi ngân hàng	10.911.762.116	5.085.328.606
Các khoản tương đương tiền (*)	14.000.000.000	16.000.000.000
Cộng	<u>25.532.790.026</u>	<u>22.135.255.073</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất 5,1%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: lãi suất 8%/năm).

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn	4.550.000.000	800.000.000
Cộng	<u>4.550.000.000</u>	<u>800.000.000</u>

Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm tại các ngân hàng thương mại cổ phần và tiền cho các bên liên quan vay với lãi suất 5%-6%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: lãi suất 8%/năm).

3. Phải thu của khách hàng

Phải thu khách hàng cung cấp các dịch vụ tại các đơn vị như sau:

Công ty Cổ phần Hải Minh	13.175.603.985	11.058.831.782
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	4.943.980.911	4.944.704.977
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	9.095.718.979	6.917.715.595
Cộng	<u>27.215.303.875</u>	<u>22.921.252.354</u>

4. Trả trước cho người bán

Công ty Cổ phần Hải Minh	-	2.855.093.337
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	500.000.000	182.618.467
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	295.000.000	-
Cộng	<u>795.000.000</u>	<u>3.037.711.804</u>

5. Các khoản phải thu khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	1.060.148.239	8.365.770.257
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	29.642.800	6.703.545
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	1.412.474.379	202.382.602
Cộng	2.502.265.418	8.574.856.404

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Chi phí bảo hiểm	342.968.721	1.010.785.252	930.896.967	422.857.006
Chi phí sửa chữa	55.676.912	160.608.180	152.317.594	63.967.498
Công cụ dụng cụ	604.370.988	4.624.334.701	4.518.742.759	709.962.930
Thuê văn phòng	-	1.086.671.732	1.086.671.732	-
Chi phí khác	1.381.435.429	474.615.573	1.738.513.212	117.537.790
Cộng	2.384.452.050	7.357.015.438	8.427.142.264	1.314.325.224

7. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản nhân viên tạm ứng và ký quỹ ngắn hạn tại các đơn vị như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hải Minh	1.157.454.126	169.771.437
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	241.511.461	519.811.084
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	168.897.953	116.103.855
Cộng	1.567.863.540	805.686.376

Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng TSCĐ hữu hình
Nguyên giá						
1. Số đầu năm	46.986.826.725	12.752.962.894	54.646.025.248	547.178.435	3.131.251.682	118.064.244.984
2. Tăng trong năm	15.316.270.734	3.141.277.728	17.718.915.034	3.261.485.208	962.876.591	40.400.825.295
3. Giảm trong năm	-	-	20.033.547.096	-	-	20.033.547.096
4. Số cuối năm	62.303.097.459	15.894.240.622	52.331.393.186	3.808.663.643	4.094.128.273	138.431.523.183
II. Hao mòn lũy kế						
1. Số đầu năm	13.157.737.828	8.495.790.316	22.518.553.391	510.750.396	104.375.056	44.787.206.987
2. Tăng trong năm	3.279.939.924	899.774.949	5.841.286.361	340.570.746	649.202.846	11.010.774.826
3. Giảm trong năm	-	-	11.016.022.570	-	-	11.016.022.570
4. Số cuối năm	16.437.677.752	9.395.565.265	17.343.817.182	851.321.142	753.577.902	44.781.959.243
III. Giá trị còn lại						
1. Số đầu năm	33.829.088.897	4.257.172.578	32.127.471.857	36.428.039	3.026.876.626	73.277.037.997
2. Số cuối năm	45.865.419.707	6.498.675.357	34.987.576.004	2.957.342.501	3.340.550.371	93.649.563.940

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng:

1. Số đầu năm	-	6.928.500.191	2.584.038.805	446.660.149	-	9.959.199.145
2. Số cuối năm	-	6.928.500.191	5.128.803.013	493.860.149	-	12.551.163.353

9. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc đầu tư vào công ty liên kết	26.045.219.478	10.742.465.800
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	18.175.783.678	3.902.030.000
Công ty TNHH tiếp vận DongBu Hải Minh	7.069.435.800	6.040.435.800

Công ty CP Hàng Hải Hưng Phú	800.000.000	800.000.000
Phần (lỗ)/lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	14.268.212.839	56.675.397.172
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	14.235.549.916	56.053.436.745
Công ty TNHH tiếp vận DongBu Hải Minh	343.076.797	(249.477.441)
Công ty CP Hàng Hải Hưng Phú	(310.413.874)	71.437.868
Cộng	40.313.432.290	67.417.862.972

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ phần vốn sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Giá trị (VND)
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	Tp. Hà Nội	Dịch vụ Tiếp vận	25%	25%	18.175.783.678
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ Tiếp vận	49%	49%	7.069.435.800
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ Tiếp vận	40%	40%	800.000.000
Cộng					26.045.219.478

www.haiminh.com.v

4.0. Đầu tư dài hạn khác

	Tại ngày 31/6/2014	Tại ngày 01/01/2014
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	5.800.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	1.800.000.000	1.800.000.000
Cộng	7.600.000.000	6.800.000.000

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư khác mà Công ty đầu tư dưới 20% vốn điều lệ của các Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ phần vốn sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (*)	Tp. Hồ Nội	Vận tải và xếp dỡ hàng hóa	4%	4%	5.800.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	Tp. Hồ Chí Minh	Khai thác cảng biển	10%	10%	1.800.000.000
Cộng					7.600.000.000

(*) Số lượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 550.000 cổ phiếu (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 500.000 cổ phiếu).

Thu nhập phát sinh từ các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	1.600.000.000	1.250.000.000
Cộng	1.600.000.000	1.250.000.000

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Chi phí sửa chữa	21.833.765	200.885.000	106.508.767	116.209.998
Chi phí thi công văn phòng	709.873.140	21.786.000	286.750.174	444.908.966
Chi phí công cụ dụng cụ	2.059.114.248	3.613.990.468	2.052.026.498	3.621.078.218
Chi phí khác	90.902.522	102.909.091	81.897.980	111.913.633
Cộng	2.881.723.675	3.939.570.559	2.527.183.419	4.294.110.815

12. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ thuê văn phòng	202.950.000	202.950.000
Đặt cọc tiền thuê kho bãi	540.000.000	540.000.000
Ký quỹ taxi Vinasun	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng và Môi trường Ngọc Anh	500.000.000	-
Cộng	1.247.950.000	747.950.000

13. Phải trả người bán

Công ty Cổ phần Hải Minh	6.594.278.234	8.411.599.714
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	155.745.950	2.990.672.431
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	1.677.040.900	1.935.362.046
Cộng	8.427.065.084	13.337.634.191

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	(74.161.058)	2.597.879.022	2.144.827.190	378.890.774 (1.870.781.239)
<i>Thuế GTGT nộp thừa</i>	<i>117.133.916</i>	<i>(332.719.069)</i>	<i>1.655.196.086</i>	<i>)</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.449.529.702	7.071.523.101	7.558.250.175	962.802.628
Thuế thu nhập cá nhân	146.988.959	1.573.570.567	1.467.914.209	252.645.317
<i>Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa</i>	<i>113.027.015</i>	<i>99.055.484</i>	<i>304.850.903</i>	<i>(92.768.404)</i>
Thuế nhà Thuế	66.428.980	1.046.395.418	1.028.009.700	84.814.698
Thuế môn bài	-	10.000.000	10.000.000	-
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	199.608.600	820.122.780	1.019.731.380	-
Các khoản phải nộp khác	-	18.297.000	18.297.000	-
			15.225.373.64	
Cộng	2.018.556.114	12.922.421.303	3	(284.396.226)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10% dịch vụ, hàng hóa trong nước

0% dịch vụ cước vận tải quốc tế

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8

• **Các loại thuế khác** Công ty kê khai và nộp theo các qui định hiện hành.

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Hải Minh	554.059.156	276.292.530
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	178.023.938	264.462.673
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	14.392.509	13.870.500
Cộng	<u>746.475.603</u>	<u>554.625.703</u>

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận		Số cuối năm
		Chi quỹ trong năm		
Quỹ phúc lợi	723.309.697	2.601.897.000	2.453.727.909	871.478.788
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty	535.453.675	1.951.897.000	2.353.551.017	133.799.658
Cộng	<u>1.258.763.372</u>	<u>4.553.794.000</u>	<u>4.807.278.926</u>	<u>1.005.278.446</u>

17. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại ngày đầu năm nay	99.998.840.000	1.928.510.000	(4.573.065.830)	742.424.655	5.574.565.936	112.132.864.911	215.804.139.672
Tăng vốn trong kỳ	-	1.030.968.445	3.879.031.555	-	-	-	4.910.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	40.564.778.221	40.564.778.221
Tăng khác	1.160.000	-	-	-	-	-	1.160.000
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(26.418.916.800)	(26.418.916.800)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.171.138.000	(5.424.932.000)	(4.253.794.000)
Giảm khác	-	-	-	(9.000.000)	-	(1.160.000)	(10.160.000)
Điều chỉnh do xác định lợi tỷ lệ vốn góp của công ty liên kết (do có sự biến động giảm tỷ lệ vốn góp trong công ty liên kết)	-	-	-	-	-	(13.632.081.500)	(13.632.081.500)
Tại ngày cuối năm nay	100.000.000.000	2.959.478.445	(694.034.275)	733.424.655	6.745.703.936	107.220.552.832	216.965.125.593

(*) Vốn chủ sở hữu tăng 1.160.000 đồng tương ứng với 116 cổ phiếu lẻ phát hành cổ phiếu thưởng năm 2012 làm giảm lợi nhuận chưa phân phối, Công ty chưa ghi nhận.

Trong kỳ, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 số 01-2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2014, trong đó cổ tức được chia cho các cổ đông với tỷ lệ là 17% vốn điều lệ.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cũng thống nhất thông qua dự kiến mức chia cổ tức năm 2014 từ 12% đến 17% vốn điều lệ bằng tiền mặt từ nguồn lợi nhuận sau thuế.

Báo cáo thường niên năm tài khóa 2014 Công ty cổ phần Hải Minh

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tỷ lệ	Cổ phiếu thường	Giá trị VND	Tỷ lệ	Cổ phiếu thường	Giá trị VND
Ông Nguyễn Quốc Hùng	3,31%	331.038	3.310.380.000	3,31%	331.038	3.310.380.000
Ông Nguyễn Văn Hà	2,64%	263.667	2.636.670.000	2,64%	263.667	2.636.670.000
Bà Nguyễn Thị Bích Huệ	1,21%	120.653	1.206.530.000	1,21%	120.653	1.206.530.000
Ông Nguyễn Thế Quân	3,51%	351.380	3.513.800.000	3,34%	334.010	3.340.100.000
Ông Lý Tiến Dũng	3,12%	311.996	3.119.960.000	3,12%	311.996	3.119.960.000
Bà Nguyễn Mỹ Hải	2,50%	249.848	2.498.480.000	2,29%	229.004	2.290.040.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thùy	2,22%	222.024	2.220.240.000	2,05%	204.654	2.046.540.000
Ông Nguyễn Trung Kiên	2,26%	225.718	2.257.180.000	2,05%	204.874	2.048.740.000
Ông Phùng Văn Quang	2,53%	252.707	2.527.070.000	2,32%	231.863	2.318.630.000
PETER ERIC DENNIS	3,24%	324.492	3.244.920.000	3,24%	324.492	3.244.920.000
ERIKOISSIJOITUSRAHASTO ELITE (MUTUAL FUND ELITE (NON-UCITS))	3,00%	300.000	3.000.000.000	3,00%	300.000	3.000.000.000
TTK GLOBAL RESOURCES PTE. LTD.	2,34%	234.418	2.344.180.000	2,34%	234.418	2.344.180.000
Cổ đông khác	68,12%	6.812.059	68.120.590.000	69,09%	6.909.331	69.093.310.000
Cộng	100,00%	10.000.000	100.000.000.000	100,00%	10.000.000	100.000.000.000

www.haiminh.com.v

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>31.716</i>	<i>215.216</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu ưu đãi phát hành ra công chúng	183.500	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>183.500</i>	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.968.284	9.784.784
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.968.284</i>	<i>9.784.784</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm nay
Công ty Cổ phần Hải Minh	37.734.235.551	37.345.786.120
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	38.459.222.983	47.272.581.189
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	35.489.143.215	22.871.092.727
Cộng	111.682.601.749	107.489.460.036

2. Giá vốn hàng bán

Công ty Cổ phần Hải Minh	28.023.443.908	26.544.632.980
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	20.440.940.128	36.305.754.646
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	11.809.479
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	36.970.158.785	14.956.321.052
Cộng	85.434.542.821	77.818.518.157

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Công ty Cổ phần Hải Minh	3.573.647.920	1.575.492.994
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	39.144.289	278.216.096
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	230.130.853
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	89.343.949
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	68.123.058	136.742.699
Cộng	3.680.915.267	2.309.926.591

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Hải Minh	201.370.808	103.529.220
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	-	12.000
Cộng	<u>201.370.808</u>	<u>103.541.220</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Hải Minh	5.286.549.099	5.177.809.289
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	2.820.107.511	3.239.117.414
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	26.785.726
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	270.231.580
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	1.839.930.290	1.599.866.686
Cộng	<u>9.946.586.900</u>	<u>10.313.810.695</u>

6. Thu nhập khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	20.705.218.868	1.106.130.910
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	530.909.090	17.318.181
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	91.104.153
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	154.545.455	350.000.000
Cộng	<u>21.390.673.413</u>	<u>1.564.553.244</u>

Chi phí khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	9.103.616.867	472.684.181
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	73.862.944	17.157.457
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	121.869.928
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	14.933.301	-
Cộng	<u>9.192.413.112</u>	<u>611.711.566</u>

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	82.635.929.059	50.750.816.553
Điều chỉnh tăng	853.073.922	338.387.414
Điều chỉnh giảm	(51.515.850.438)	(27.805.236.598)
Tổng lợi nhuận tính thuế TNDN	31.973.152.543	23.283.967.369
Thu nhập chịu thuế TNDN theo thuế suất 20%	-	3.400.823.844
Thu nhập chịu thuế TNDN theo thuế suất 25%	-	19.883.143.525
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp thuế suất 20%	-	680.164.769
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp thuế suất 25%	-	5.018.960.159
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp thuế suất 22%	7.034.093.560	-

Báo cáo thường niên năm tài khóa 2014 Công ty cổ phần Hải Minh

Chi phí thuế thu nhập hiện hành trong năm	7.034.093.560	5.699.124.928
--	----------------------	----------------------

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế (Năm 2013 là 25%).

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	9.784.784	9.784.784
Số lượng cổ phiếu bán ra trong kỳ	183.500	-
Số lượng cổ phiếu mua vào trong kỳ	-	-
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	9.793.636	9.784.784
Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	40.563.129.072	39.037.943.283
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.141,78	3.989,66

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	26.876.300.813	26.809.485.546
Chi phí nhân viên	23.122.076.663	15.381.673.156
Chi phí khấu hao	11.085.681.424	9.296.112.455
Thuế, phí và lệ phí	18.233.907	3.268.356.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.393.611.325	45.878.163.610
Chi phí bằng tiền khác	6.502.668.766	8.663.897.954
Cộng	113.998.572.898	109.297.689.649

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

Mua sắm tài sản còn nợ năm trước đã được thanh toán trong năm nay	-	1.490.000.000
Góp vốn vào Công ty TNHH TV Hải Minh bằng cách nhận khoản nợ liên quan trực tiếp (do sáp nhập)	-	13.944.150.400
Thu hồi vốn góp từ Công ty TNHH TV Hoàng Nam bằng cách bù trừ công nợ (do chấm dứt hoạt động)	-	907.673.919
Cộng	-	16.341.824.319

2. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

_____	_____
Tại ngày	Tại ngày

Báo cáo thường niên năm tài khóa 2014 Công ty cổ phần Hải Minh

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Trong vòng 1 năm	2.558.664.000	2.982.384.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	6.049.008.000	7.540.200.000
Cộng	<u>8.607.672.000</u>	<u>10.522.584.000</u>

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê văn phòng và bến bãi theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê văn phòng số 05/2013/HĐ ngày 25 tháng 6 năm 2013 với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 4 về việc thuê 214 m² văn phòng làm việc tại tòa nhà Đinh Lễ tại địa chỉ số 01 Đinh Lễ, phường 12, quận 4, Tp. HCM, thời hạn 02 năm bắt đầu từ ngày 25 tháng 6 năm 2013.
- Hợp đồng thuê bãi lưu container 01/2013 ngày 11 tháng 3 năm 2013 với Công ty CP SX - TM - XD Long Bình về việc thuê lại 14.826 m² đất tại 1354 Nguyễn Xiển, phường Long Bình, quận 9, Tp. HCM với thời hạn thuê 5 năm từ ngày 24 tháng 4 năm 2013, đơn giá thuê là 144.000 VND/m²/năm.

3. Nghiệp vụ và Tạm ngày với các bên liên quan

Giao dịch với bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		
Doanh thu dịch vụ vận tải	1.577.297.610	2.887.962.152
Thu nhập thanh lý tài sản cố định	<u>29.090.909</u>	<u>-</u>
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)		
Lợi nhuận được chia	44.562.020.000	14.739.925.200
Doanh thu giao nhận (gồm cả thu hộ SAMUDERA)	<u>2.645.233.089</u>	<u>33.580.326.077</u>
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú		
Doanh thu dịch vụ	1.230.566.453	1.446.651.273
Lãi cho vay	<u>22.750.000</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có Tạm ngày với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2014</u>	<u>Tại ngày 01/01/2014</u>
--	--------------------------------	--------------------------------

Báo cáo thường niên năm tài khóa 2014 Công ty cổ phần Hải Minh

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh

Phải thu dịch vụ cung cấp	<u>1.778.099.474</u>	<u>1.017.366.934</u>
---------------------------	----------------------	----------------------

Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)

Phải thu khách hàng	<u>4.140.139.556</u>	<u>3.169.391.383</u>
---------------------	----------------------	----------------------

Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú

Phải thu dịch vụ cung cấp	<u>1.274.848.500</u>	<u>1.393.092.900</u>
---------------------------	----------------------	----------------------

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương	<u>1.722.000.000</u>	<u>1.354.800.000</u>
Cộng	<u>1.722.000.000</u>	<u>1.354.800.000</u>

4. Thông tin bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ Tiếp vận.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ Tiếp vận ở hai nơi khác nhau là Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tp. Hồ Chí Minh	37.090.038.460	37.345.786.120
Tp. Hải Phòng	<u>74.592.563.289</u>	<u>70.143.673.916</u>
Cộng	<u>111.682.601.749</u>	<u>107.489.460.036</u>

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	<u>Giá trị còn lại của tài sản bộ phận</u>		<u>Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tp. Hồ Chí Minh	23.330.600.467	22.485.232.254	13.585.307.991	6.176.807.279
Tp. Hải Phòng	70.318.963.473	50.791.805.743	26.815.517.304	7.554.067.843
Cộng	<u>93.649.563.940</u>	<u>73.277.037.997</u>	<u>40.400.825.295</u>	<u>13.730.875.122</u>

Báo cáo thường niên năm tài khóa 2014 Công ty cổ phần Hải Minh

5. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa Tại ngày nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.532.790.026	22.135.255.073
Phải thu khách hàng	27.215.303.875	22.921.252.354
Các khoản phải thu khác	2.502.265.418	8.574.856.404
Đầu tư dài hạn khác	7.600.000.000	6.800.000.000
Cộng	62.850.359.319	60.431.363.831
	-	-
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	8.427.065.084	13.337.634.191
Chi phí phải trả	114.090.909	50.689.891
Các khoản phải trả khác	746.475.603	554.625.703
Cộng	9.287.631.596	13.942.949.785

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá hối đoái và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Báo cáo thường niên năm tài khóa 2014 Công ty cổ phần Hải Minh

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Do Công ty hoạt động kinh chính tập trung ở Bộ phận tiếp vận (vận chuyển hàng hóa, chứng từ thông quan) dịch vụ này ổn định nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là thu tiền ngay, công nợ phải thu không đáng kể, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với khoản phải thu khách hàng.

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Số cuối năm	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	8.427.065.084	-	8.427.065.084
Chi phí phải trả	114.090.909	-	114.090.909
Các khoản phải trả khác	746.475.603	-	746.475.603
Cộng	9.287.631.596	-	9.287.631.596
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.532.790.026		25.532.790.026
Phải thu khách hàng	27.215.303.875		27.215.303.875
Các khoản phải thu khác	2.502.265.418		2.502.265.418
Đầu tư dài hạn khác	-	7.600.000.000	7.600.000.000
Cộng	55.250.359.319	7.600.000.000	62.850.359.319

Báo cáo thường niên năm tài khóa 2014

Công ty cổ phần Hải Minh

Chênh lệch thanh khoản thuần

45.962.727.723

7.600.000.000

53.562.727.723

Số đầu năm

Trong vòng 1 năm

Trên 1 năm

Tổng cộng

Phải trả người bán

13.337.634.191

-

13.337.634.191

Chi phí phải trả

50.689.891

-

50.689.891

Các khoản phải trả khác

554.625.703

-

554.625.703

Cộng

13.942.949.785

-

13.942.949.785

Số dư 01/01/2014

Tiền và các khoản tương đương tiền

22.135.255.073

-

22.135.255.073

Phải thu khách hàng

22.921.252.354

-

22.921.252.354

Các khoản phải thu khác

8.574.856.404

-

8.574.856.404

Đầu tư dài hạn khác

-

6.800.000.000

6.800.000.000

Cộng

53.631.363.831

6.800.000.000

60.431.363.831

Chênh lệch thanh khoản thuần

39.688.414.046

6.800.000.000

46.488.414.046

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm 2014 của Công ty được thể hiện theo số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư Vấn Đất Việt, một số chỉ tiêu được trình bày lại để đảm bảo thông tin so sánh.

www.haiminh.com.v

Công ty Cổ phần Hải Minh



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Chế Hùng